

Quản lí chương trình tín dụng sinh viên tại Thái Lan - Bài học về phát huy vai trò của quản lí giáo dục

Nguyễn Thị Hiền

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam
Email: hiennt@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: Chương trình tín dụng cho sinh viên là một hình thức chia sẻ chi phí trong giáo dục đại học đã và đang được áp dụng rất phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Ở hầu hết các quốc gia, chương trình do nhà nước quản lí luôn chiếm vị trí chủ đạo. Do vậy, vai trò quản lí của nhà nước đối với chính sách tài chính này là vô cùng quan trọng. Trong hệ thống quản lí đó, ngành Giáo dục được minh chứng là có đóng góp lớn. Tuy nhiên, tại Việt Nam, trong hệ thống quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước, vai trò của ngành Giáo dục chưa được phát huy nhiều. Vì vậy, việc tìm hiểu những kết quả nghiên cứu, những kinh nghiệm quản lí chương trình của các quốc gia khác, trong đó đánh giá vai trò của quản lí giáo dục là cần thiết để đưa ra khuyến nghị cho Việt Nam. Nghiên cứu này làm sáng tỏ một số vấn đề về nội dung quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên được triển khai tại Thái Lan - quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, tổ chức được chương trình tín dụng cho sinh viên của nhà nước sớm hơn Việt Nam gần 10 năm, từ đó so sánh với mô hình quản lí chương trình tại Việt Nam và rút ra bài học cho Việt Nam về phát huy vai trò của ngành Giáo dục trong hệ thống quản lí chương trình.

TỪ KHÓA: Tín dụng sinh viên nhà nước, quản lí chương trình tín dụng sinh viên, cơ quan quản lí giáo dục, cơ sở giáo dục đại học.

→ Nhận bài 13/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 19/12/2021 → Duyệt đăng 15/3/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210312>

1. Đặt vấn đề

Sự mở rộng cả về số lượng và chất lượng của các chương trình tín dụng cho sinh viên kể từ khi loại hình này ra đời đã chứng minh vai trò quan trọng của nó trong hệ thống giáo dục đại học. Năm bắt được xu thế chung của thế giới và tầm quan trọng của việc hỗ trợ tài chính cho giáo dục đại học, Việt Nam cũng đã bắt đầu triển khai chương trình tín dụng ưu đãi của nhà nước cho sinh viên từ năm học 2006-2007. Kể từ đó, chương trình này đã mang lại rất nhiều ích lợi to lớn. Vì vậy, có được những nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản lí chương trình này, đặc biệt là khía cạnh quản lí giáo dục của chương trình, chúng ta sẽ rút ra được những bài học và khuyến nghị nhằm xây dựng được định hướng và chính sách hiệu quả trong giáo dục đại học, góp phần vào công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số nội dung lí luận

2.1.1. Chương trình tín dụng sinh viên

Mặc dù có rất nhiều thuật ngữ dùng để diễn tả các chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước (Student Loans Scheme, Student Loan Program, Student Loan, Student Credit, State-supported student loans) nhưng theo quan điểm chung của nhiều nhà nghiên cứu, các chương trình tín dụng cho sinh viên đều có điểm chung là một “kênh” cung cấp tài chính

cho giáo dục đại học và là một dạng thức chia sẻ chi phí trong giáo dục đại học, trong đó sinh viên sẽ nhận các khoản tín dụng để trang trải các chi phí trực tiếp của quá trình học tập (học phí, đồ dùng học tập, sinh hoạt phí) cho đến khi hoàn thành chương trình học tập [1]. Sau khi tốt nghiệp, tìm được việc làm và có thu nhập, sinh viên sẽ bắt đầu thực hiện trả tiền vay.

Chương trình tín dụng cho sinh viên là một hình thức chia sẻ chi phí trong giáo dục đại học. Bởi thế, lí do ra đời các chương trình tín dụng cho sinh viên cũng xuất phát từ lí do cần chia sẻ chi phí trong giáo dục. Theo Johnstone (1986, 1991, 1992, 2002, 2003), chia sẻ chi phí hàm ý việc “chuyển gánh nặng chi phí cho giáo dục đại học từ chỗ trông cậy hoàn toàn hay gần như hoàn toàn vào chính phủ hay những người đóng thuế, sang một số nguồn cung cấp tài chính khác nhằm chi trả các chi phí mà cơ sở giáo dục hay chính phủ cung cấp trước đây”. Các bên tham gia trong chia sẻ chi phí bao gồm Chính phủ, phụ huynh/người đỡ đầu, học sinh, các cá nhân và các đơn vị tài trợ. Có nhiều tiêu chí phân loại chương trình tín dụng cho sinh viên. Bảng 1 tổng hợp các tiêu chí phân loại và các loại hình chương trình tín dụng cho sinh viên theo từng tiêu chí phân loại.

2.1.2. Quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên

Việc quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên cần huy động đến sự tham gia của nhiều ngành, nhiều đơn

Bảng 1: Các loại hình chương trình tín dụng sinh viên

Phân loại theo hình thức trả	Chương trình cho vay trả bằng thế chấp (Mortgage loan): Hình thức cho vay dựa trên cách thức cho vay theo thế chấp truyền thống, có tài sản thế chấp ban đầu và trả nợ trong khoảng thời gian cụ thể.
	Chương trình cho vay trả theo thu nhập (Income-contigent loan): Chương trình mà nghĩa vụ trả được thực hiện định kì, số tiền phải trả được tính theo tỉ lệ phần trăm và được khấu trừ trực tiếp trên thu nhập giống như việc khấu trừ thuế và bảo hiểm.
Phân loại theo hình thức sở hữu và mục đích hoạt động của cơ quan quản lí	Chương trình được quản lí bởi các cơ quan nhà nước.
	Chương trình được quản lí bởi cơ quan bán công.
	Chương trình được quản lí bởi tổ chức tư nhân hoạt động vì lợi nhuận hoặc không vì lợi nhuận.
Phân loại theo phạm vi áp dụng	Chương trình có phạm vi đa quốc gia.
	Chương trình có phạm vi quốc gia.
	Chương trình có phạm vi khu vực (tỉnh, bang).
	Chương trình có phạm vi trong một tổ chức, một viện, một trường.

(Nguồn: Theo Nguyễn Thanh Tâm (2019))

vị khác nhau như Chính phủ, các cơ quan về tín dụng (ngân hàng), các cơ quan giáo dục (Bộ Giáo dục, các trường đại học), chính quyền địa phương, sinh viên và gia đình sinh viên.

Theo tiếp cận chức năng quản lí, quy trình quản lí trong ngành Giáo dục tuân thủ theo bốn nhiệm vụ của quản lí giáo dục: Lập kế hoạch thực hiện; Tổ chức thực hiện; Chỉ đạo thực hiện; Giám sát, kiểm tra, đánh giá thực hiện. Bốn nhiệm vụ này được thực hiện một cách linh hoạt, đồng thời chứ không tuân theo một quy trình theo trình tự cố định và luôn có sự hỗ trợ, được kết hợp với nhau trong quá trình quản lí.

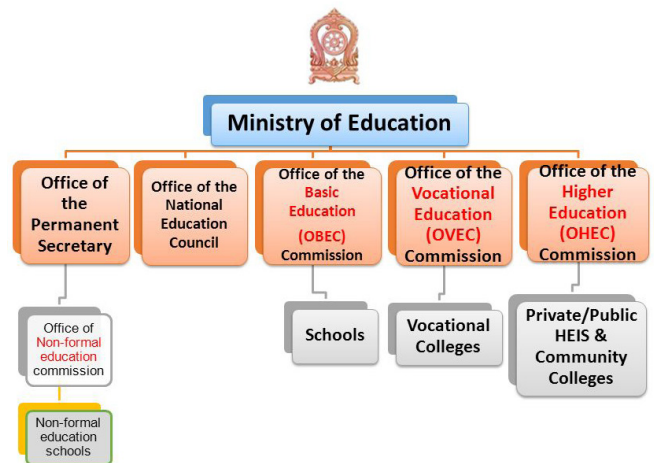
Bên cạnh hướng tiếp cận theo chức năng quản lí, nhằm làm rõ hơn cơ sở lí luận của quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên với chủ thể là ngành Giáo dục, nghiên cứu xác định hướng tiếp cận theo các nội dung cấu thành hoạt động quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên, trong đó nêu bật nội dung quản lí trong các trường đại học và cơ quan quản lí giáo dục, cụ thể là: 1/ Hệ thống phân cấp quản lí về chương trình tín dụng cho sinh viên và vị trí, vai trò của ngành Giáo dục; 2/ Nội dung quản lí về nguồn vốn cho chương trình tín dụng cho sinh viên và vị trí, vai trò của ngành Giáo dục; 3/ Nội dung lựa chọn đối tượng vay và phân bổ khoản vay cùng vị trí, vai trò của ngành Giáo dục; 4/ Nội dung thu hồi nợ vay và vị trí, vai trò của ngành Giáo dục.

2.2. Cơ sở hình thành các chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan

2.2.1. Giáo dục đại học tại Thái Lan

Đơn vị chịu trách nhiệm quản lí giáo dục đại học tại Thái Lan là Bộ Giáo dục Thái Lan (Ministry of Education - MoE). Đây cũng là cơ quan quản lí giáo dục tham gia vào bộ máy quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên của nhà nước tại Thái Lan. Cơ cấu của

General Administration structure of Thai MOE



(Nguồn: Anuchai Theeraroungchaisri, 2017)

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Bộ Giáo dục Thái Lan - MoE

MoE Thái Lan được mô tả trong Sơ đồ 1.

MoE Thái Lan bao gồm 5 bộ phận chính, trong đó có 3 bộ phận cụ thể phụ trách các vấn đề của các cấp học là: Văn phòng Ủy ban Giáo dục cơ bản - OBEC phụ trách giáo dục phổ thông, Văn phòng Ủy ban Giáo dục nghề nghiệp - OVEC phụ trách giáo dục nghề nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và Văn phòng Ủy ban Giáo dục đại học - OHEC phụ trách giáo dục đại học. Đối với vai trò quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên, bộ phận thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia trực tiếp nhất là 3 văn phòng quản lí các cấp và trình độ học khác nhau: OBEC quản lí giáo dục phổ thông, OVEC quản lí trình độ học nghề và OHEC quản lí chính trình độ cao đẳng và đại học.

2.2.2. Tài chính cho giáo dục đại học Thái Lan

Chính phủ Thái Lan đã bắt đầu tập trung đầu tư mạnh cho giáo dục trong nhiều năm với quan điểm rằng, khi

đầu tư nhiều ngân sách sẽ trực tiếp giúp tăng năng lực nguồn nhân lực của quốc gia. Theo Số liệu điều chỉnh từ Bộ giáo dục Thái Lan, 1996 - 2009 và Ban Phát triển Kinh tế và Xã hội quốc gia 2011, số lượng ngân sách giáo dục quốc gia so với tổng ngân sách quốc gia từ năm 1996 đến năm 2009 đã tăng từ 19,9 đến 21,8% trong tổng ngân sách quốc gia trong vòng 15 năm. Rõ ràng, ngân sách giáo dục chỉ chiếm xấp xỉ 4% một tỉ lệ không lớn.

Thứ nhất, ngân sách nhà nước cấp cho các cấp học là không đồng đều. Theo Bộ Giáo dục Thái Lan, Chính phủ Thái Lan đã hỗ trợ nhiều hơn cho giáo dục ở 12 năm đầu tiên. Giáo dục đại học vì thế nhận được ít sự hỗ trợ từ ngân sách hơn.

Thứ hai, gánh nặng chi phí giáo dục, cao hơn ở giáo dục đại học. Kesorn Chinmethpipat (2006) cho biết chỉ 20% tổng chi phí giáo dục bao gồm học phí, trong khi phần còn lại là “các chi phí khác” liên quan đến giáo dục. Những chi phí ngoài học phí chiếm tới 80% lại là gánh nặng chính cho các gia đình có thu nhập thấp nuôi con cái đi học.

Hai khía cạnh nêu trên chính là lí do trực tiếp để chính phủ Thái Lan xây dựng và áp dụng các chương trình tín dụng cho sinh viên (Student Loan Scheme) với hi vọng thu hồi chi phí và tăng doanh thu cho việc mở rộng giáo dục, trong khi đồng thời tạo cơ hội cho các bộ phận dân cư nghèo hơn được tiếp cận với trình độ học vấn cao hơn.

2.3. Chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan

Chương trình tín dụng cho sinh viên nhà nước tại Thái Lan được gọi với tên Quỹ Chương trình tín dụng cho sinh viên (Student Loan Scheme Fun - SLSF). Chương trình cho vay dành cho sinh viên bắt đầu hoạt động, dưới quyền tự quản của Bộ Tài chính Thái Lan từ năm 1996. Chương trình cho vay sinh viên ở Thái Lan hướng đến mục tiêu chính là nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho sinh viên, hướng đến mục đích cuối cùng là tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ở cả hệ thống công lập và dân lập, từ đó tăng bình đẳng về cơ hội giáo dục và công bằng xã hội lớn hơn.

Điều kiện vay vốn: Quốc tịch Thái Lan; Khó khăn tài chính; Không có những điều kiện bị giới hạn bởi Quỹ cho sinh viên vay. Không giống như nhiều quốc gia khác, khoản chương trình tín dụng cho sinh viên Thái Lan không chỉ bao gồm trình độ học vấn đại học. Thay vào đó, quỹ cho vay sinh viên bắt đầu từ trình độ văn hóa trung học phổ thông và bao gồm cả các trình độ khác sau phổ thông như nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học.

Về các loại chương trình: Chương trình tín dụng cho sinh viên ban đầu ra đời năm 1996 thuộc loại hình cho vay thế chấp – loại hình phổ biến được áp dụng tại nhiều quốc gia. Vào năm 2006, Chính phủ của Thaksin Shinawatr đã giới thiệu thêm hình thức chương trình tín dụng cho sinh viên trả dựa trên thu nhập (Income

Contingent Loan - ICL). Cơ chế quản lí chương trình ICL cũng tương tự như chương trình thế chấp đang hoạt động tại thời điểm đó.

2.4. Quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan

2.4.1. Hệ thống phân cấp quản lí của chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan

Các tổ chức trung tâm điều hành chương trình cho vay sinh viên từ năm 1996 - cả chương trình tín dụng cho sinh viên cũ (SLS) và chương trình mới (ICL) ở Thái Lan được minh họa trong Sơ đồ 2.

Chương trình tín dụng cho sinh viên Thái Lan được thực hiện dưới sự quản lí của một ủy ban hành chính được thành lập để nhận vốn từ phân bổ ngân sách quốc gia là Ủy ban Chương trình tín dụng cho sinh viên (Student Loans Scheme Committee - SLSC) và văn phòng hành chính của nó, được gọi là Văn phòng của Quỹ Khoản vay sinh viên (Office of the Student Loans Fund - SLF), cùng với hai cơ quan/hai tiểu ban thực hiện khác để phân phối các khoản vay với sự đồng ý của Ngân hàng Krung Thai - KTB để quản lí tất cả các giao dịch cho vay. Quyền kiểm soát trung tâm của chương trình thuộc về SLSC. Hai tiểu ban được phân chia quyền quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên dựa theo các cấp học, cụ thể:

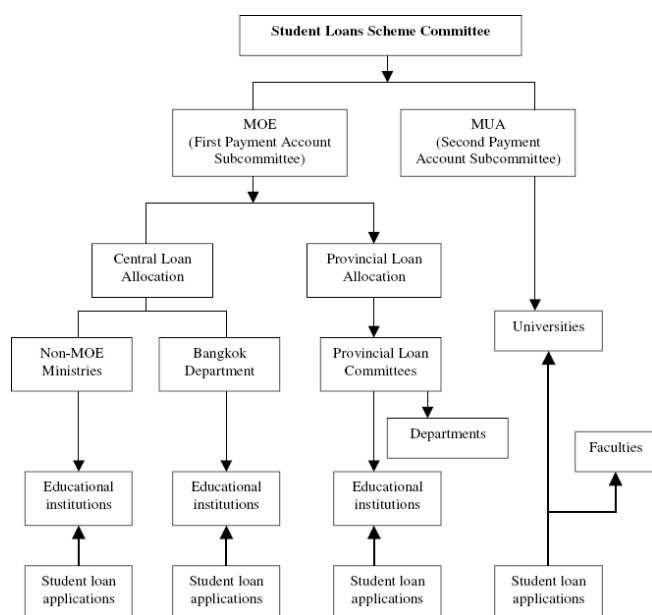
Tiểu ban kế toán thanh toán đầu tiên được chịu trách nhiệm bởi Bộ Giáo dục Thái Lan - MoE cung cấp vốn vay cho cấp Trung học phổ thông, sau Trung học phổ thông học nghề, trung cấp.

Tiểu ban kế toán thanh toán thứ hai được quản lí bởi Văn phòng Ủy ban Giáo dục đại học - OHEC có chức năng quản lí chương trình đối với trình độ giáo dục đại học. Quỹ cho vay này quản lí và điều phối tín dụng bao gồm học phí, chi phí giáo dục khác và chi phí sinh hoạt.

2.4.2. Phân bổ ngân sách cho vay quốc gia

Sau khi các khoản vay được chuẩn bị và phân bổ sơ bộ diễn ra ở cấp trung ương cho người nhận cũ và người nhận mới, SLSC sẽ phân bổ lại các khoản vay thành hai luồng tiền gộp chính, sau đó được phê duyệt và trao quyền phân bổ thêm cho hai tiểu ban (mỗi tiểu ban bao gồm cả hai đối tượng người nhận cũ và người nhận mới, với số lượng người nhận cũ cố định). Đường phân bổ ngân sách cho vay cho các khách hàng vay mới được minh họa trong Sơ đồ 2. SLSC được Văn phòng Ngân sách ấn định ngân sách hàng năm cho những người vay mới. Cơ quan này quyết định về tiêu chí đủ điều kiện và mức cho vay tối đa và về việc phân bổ ngân sách giữa Tiểu ban Tài khoản Thanh toán Thứ nhất (tại Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Tiểu ban Tài khoản Thanh toán thứ hai (OHEC).

Trong phân bổ các khoản vay, cả MoE và OHEC đều đưa ra các tiêu chí về giải ngân các khoản vay đã được SLSC Thái Lan phê duyệt. Bảng 2 cho thấy các



(Nguồn: Ziderman, 2003)

Sơ đồ 2: Hệ thống phân phối các khoản vay sinh viên tại Thái Lan

tiêu chí phân bổ ngân sách của từng tiểu ban tài khoản thanh toán. Lí do cho những khác biệt giữa hai tiểu ban dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc gia và những kì vọng về tình hình kinh tế của thời điểm đó. Các tiêu chí này thường được SLSC Thái Lan phê duyệt trong hơn 5 năm.

Ở tiểu ban thứ nhất MoE, có hai tiểu ban phân bổ. Ủy ban Phân bổ Khoản vay Trung ương chịu trách nhiệm phân bổ ngân sách các khoản vay cho từng bộ phận trong Khu đô thị Bangkok và cho các bộ khác và Ủy ban phân bổ vốn vay của tỉnh phân bổ ngân sách cho vay cho mỗi 75 Văn phòng tỉnh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiểu ban thanh toán còn lại, OHEC phân bổ ngân sách cho vay cho các trường đại học trong phạm vi mục tiêu của mình thuộc cả 3 dạng - công, tư và mở. Các ủy ban cho vay tại các trường đại học chịu trách nhiệm quản lí và phân phối các khoản vay cho sinh viên theo học tại cơ sở của họ. Ở một số trường đại học, một giai đoạn phân bổ ngân sách bổ sung được thực hiện ở nội bộ trường.

Bảng 2: Các tiêu chí để phân bổ khoản vay bởi MoE và OHEC

Tiểu ban tài khoản thanh toán thứ nhất (Thư kí thường trực của MoE là chủ tịch)	Tiểu ban tài khoản thanh toán thứ hai (Tổng thư kí OHEC là chủ tịch)
1) 55% trọng số với đối tượng học sinh lớp 10-12 và sinh viên đại học	1) 82,5% tính trên trung bình 2 năm của người nhận khoản vay mới
2) 20% trọng số đối với học sinh đến từ các vùng nghèo	2) 5,5% tính trên học sinh đến từ các vùng nghèo
3) 5% tính trên các khu vực đặc biệt và biên giới hoặc bất kì các mục tiêu cụ thể được liên kết với lệnh của chính phủ	3) 2% tính trên các khu vực đặc biệt và biên giới hoặc bất kì các mục tiêu cụ thể được liên kết với lệnh của chính phủ
	4) 5% tính trên số nợ trả chậm

(Nguồn: Văn phòng Quỹ Tín dụng sinh viên Thái Lan, 2007-2011)

Somchai Richupan và Chollatan Visaruthvont (2001) nhận thấy rằng, ngân sách phân bổ cho SLS đã được tăng lên trong bảy năm đầu tiên hoạt động, những năm 1996 - 2001, bắt đầu từ 3.000 triệu Baht trong năm đầu tiên cho đến 28.000 triệu Baht trong năm 2001. Ngân sách phân bổ cho các quỹ tiếp tục tăng cho đến năm 2007 ở mức 31.323,7870 triệu Baht, và số lượng mục tiêu sinh viên được vay cũng tăng lên.

Từ năm 2007, hình thành 2 chương trình tín dụng sinh viên tại Thái Lan, theo đó lượng phân bổ và số sinh viên được vay có biến động, những chênh lệch giữa các năm là không quá lớn và có thể giải thích được từ bối cảnh kinh tế, xã hội. Số liệu thống kê về phân bổ khoản vay ở cả hai loại cho vay thế chấp SLS và trả theo thu nhập ICL được thể hiện ở Bảng 3.

Năm 2006, Cục Ngân sách đã phải trợ cấp cho ICL nhiều hơn mức mà các nhà hoạch định chính sách đã thiết kế, lí do đây là năm đầu hình thức hoạt động. Năm 2007, có thể thấy trong Bảng 3, số sinh viên vay ICL đã giảm xuống trong khi số người học vay theo SLS cao hơn các năm sau. Điều này có thể giải thích bởi SLS và ICL luôn được coi là bổ sung cho nhau.

2.4.3. Trả nợ cho vay

Sau khi sinh viên tốt nghiệp hoặc ngừng vay, họ được hưởng thời gian ân hạn 2 năm, sau đó trả nợ dần trong 15 năm, định kì 1 lần/năm (phần trả nợ của mỗi kì tăng dần theo năm, ví dụ năm 1 trả 5% món vay, năm 2 trả 10%...), lãi suất cho vay đối với sinh viên luôn thấp hơn lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại trên thị trường đối với khách hàng cá nhân, ít nhất là 1%/năm. Nếu đến kì trả nợ, người vay chưa có khả năng thanh toán thì có thể xin gia hạn kì đó thêm 6 tháng. Trong 15 năm, người vay được phép xin gia hạn 4 kì.

KTB là cơ quan trung tâm thu hồi nợ. Người vay đến hạn phải báo cáo tình trạng công việc và tiền lương cho KTB trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu làm việc. KTB thông báo cho người vay số tiền phải trả trước hạn một tháng. Đợt hoàn trả đầu tiên bắt đầu vào tháng 7 năm 1999, sau thời gian ân hạn hai năm. Sau đó, thời điểm bắt đầu trả khoản vay là ngày 5 tháng 7 năm 2001. Tóm

Bảng 3: Số tiền cộng dồn do ngân sách cung cấp cho hai hệ thống SLS và ICL và mục tiêu đề ra

(Đơn vị: Baht và Người)

SLS	Ngân sách	Mục tiêu	ICL	Ngân sách	Mục tiêu
1996 - 2006	238,680,303,000	2,863,421	2006	6,453,732,200	325,000
2007	31,323,787,000	1,075,959	2007	4,445,129,400	315,186
2008	24,218,557,100	1,064,091	2008	4,333,338,800	82,345
2009	25,675,397,000	946,970	2009	3,142,672,400	55,076
2010	20,068,841,100	893,353	2010	-	N.A.
2011	18,000,000,000	997,939	2011	-	N.A.
Tổng	357,966,885,200		Total	18,374,872,800	

(Nguồn: Cục Ngân sách, 1996-2011)

tất về tình hình thu hồi nợ từ năm học 1996 đến năm học 2014 (số liệu thu thập ngày 28 tháng 2 năm 2015) được đưa ra trong Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy hai vấn đề trong thu hồi nợ vay tại Thái Lan:

Thứ nhất, là vấn đề nợ xấu, khó đòi hoặc không đòi được. Trong số 4.511.700 người nhận khoản vay 2.948.708 cá nhân đang trong quá trình trả nợ. 2.948.708 người này bao gồm cả hai đối tượng: những người trả tiền thường xuyên và những người không thường xuyên hoặc người ko thực hiện hết nghĩa vụ.

Bảng 4: Thực trạng thu hồi vốn vay chương trình tín dụng cho sinh viên Thái Lan

Nhóm đối tượng vay	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Vẫn đang học hoặc trong thời gian ân hạn	1,209,864	26.82
2. Hoàn thành nghĩa vụ trả.	319,334	7.08
3. Chết hoặc tàn tật	33,794	0.75
4. Đang trả.	2,948,708	65.35
Tổng	4,511,700	100

(Nguồn: Văn phòng Hạ viện, 2011)

Có 1.925.611 người không thường xuyên thực hiện nghĩa vụ hoặc thuộc nhóm nợ xấu, chiếm 65,3% tổng số người thuộc diện phải hoàn trả.

Thứ hai, là vấn đề nợ chắt, gây tổn kém cho hệ thống quản lí. Nợ trả chậm có nghĩa là người đi vay không có khả năng trả nợ đúng hạn. Theo Văn phòng Quỹ Cho vay sinh viên Thái Lan, từ năm 2007-2011, sau mười năm thực hiện SLS của Thái Lan, các khoản nợ chưa trả được đã tích tụ lại khi số lượng các khoản vay và người đi vay tăng lên. Con số cao nhất là 72,16% tổng số nợ vào năm 2004.

2.5. Đánh giá và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

2.5.1. So sánh mô hình quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan và tại Việt Nam

Tại Việt Nam, chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước đã và đang được áp dụng là chương trình theo Quyết định 157 năm 2007. Dựa trên những phân tích ở trên, nghiên cứu xin được tổng hợp một số đặc điểm của mô hình quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên của nhà nước tại Thái Lan và so sánh mô hình quản lí chương trình tại Thái Lan và mô hình quản lí chương trình theo Quyết định 157 tại Việt Nam trong Bảng 5.

Bảng 5: So sánh về mô hình quản lí chương trình tín dụng sinh viên tại Thái Lan và tại Việt Nam

Nội dung quản lí	Chương trình tín dụng sinh viên tại Thái Lan	Chương trình tín dụng sinh viên tại Việt Nam
Hệ thống phân cấp quản lí	Số lượng các chương trình được xây dựng	Hệ thống quản lí một chương trình đơn nhất (Unitary scheme). Sau đó có sự mở rộng sang quản lí song song nhiều chương trình (multiple schemes). Sau một thời gian thực hiện 02 chương trình, hiện tại đang quay lại với Hệ thống quản lí một chương trình đơn nhất (Unitary scheme).
Mức độ phân quyền trong quản lí chương trình	Các chương trình TDSV được quản lí phi tập trung (decentralized loans schemes).	Hệ thống quản lí một chương trình đơn nhất (Unitary scheme). Cụ thể là chương trình theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản hướng dẫn.
Nguồn vốn cho chương trình	Các chương trình TDSV được quản lí phi tập trung (decentralized loans schemes).	Các chương trình tín dụng sinh viên được quản lí phi tập trung (decentralized loans schemes).
	- Ngân sách nhà nước - Thuế - Viện trợ, tài trợ (như tài trợ của ADB)	- Ngân sách nhà nước.

Nội dung quản lí		Chương trình tín dụng sinh viên tại Thái Lan	Chương trình tín dụng sinh viên tại Việt Nam
quản lí nguồn vốn	Vai trò cấp vốn, bao gồm nguồn vốn ban đầu và vốn cho các khoản vay mới	- Ngân sách nhà nước. - Thuế. - Viện trợ, tài trợ (như tài trợ của ADB).	Chính phủ/Ngân sách nhà nước. Các nội dung về cấp vốn đều do Chính phủ chịu trách nhiệm.
	Vai trò trợ cấp cho các khoản vay	Chính phủ/Ngân sách nhà nước	
	Vai trò chịu rủi ro về tài chính		
	Lựa chọn đối tượng vay và phân bổ khoản vay	Thông qua 02 tài khoản thanh toán, phân chia theo trình độ học, đều do Bộ Giáo dục quản lí.	Lựa chọn đối tượng vay và phân bổ khoản vay dựa trên cơ chế phối hợp giữa: Nhà trường, chính quyền địa phương, hệ thống ngân hàng chính sách xã hội.
	Thu hồi nợ vay	Cơ chế tự thu: Thông qua các cơ quan chuyên trách trong hệ thống quản lí chương trình. Có một giai đoạn khi áp dụng chương trình ILC, có áp dụng thu qua đại lí nhưng chỉ duy trì một số năm học.	Cơ chế tự thu: Thông qua các cơ quan chuyên trách trong hệ thống quản lí chương trình. Thu tiền trả nợ vay do hệ thống ngân hàng chính sách xã hội thực hiện.

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

2.5.2. Bài học kinh nghiệm và hàm ý đối với Việt Nam về củng cố lại và tăng cường trách nhiệm của ngành Giáo dục trong hệ thống phân cấp quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên

Đối với chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước, các cơ quan quản lí giáo dục và các cơ sở giáo dục đóng một vai trò hết sức quan trọng trong bộ máy quản lí. Tại Thái Lan, cơ quan quản lí giáo dục tham gia vào bộ máy quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên bao gồm Bộ Giáo dục Thái Lan với tất cả các bộ phận, trong đó nổi bật là Văn phòng Ủy ban Giáo dục đại học OHEC, các cơ quan quản lí giáo dục cấp địa phương và sự tham gia tích cực của các cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông, bao gồm các trường dạy nghề, cao đẳng, và các trường đại học.

- Ngành Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống phân cấp quản lí chương trình tín dụng cho sinh viên tại Thái Lan.

Trong cơ cấu Ủy ban Chương trình tín dụng cho sinh viên Thái Lan - Cơ quan quản lí cấp cao nhất của chương trình tín dụng cho sinh viên của nhà nước tại Thái Lan, có 5/12 thành viên là đại diện đến từ các cơ quan quản lí giáo dục cấp trung ương, trực tiếp tham gia đóng góp vào công tác quản lí cấp cao của chương trình.

Từ Ủy ban Chương trình tín dụng cho sinh viên Thái Lan, hệ thống phân cấp quản lí tiếp tục phân thành hai nhánh nhỏ là hai Tiểu ban tài khoản thanh toán. Hai tiểu ban tài khoản thanh toán này đều do cơ quan quản lí giáo dục cấp trung ương tại Thái Lan trực tiếp quản lí: Một tiểu ban do Bộ Giáo dục Thái Lan quản lí, một tiểu ban do Văn phòng Ủy ban Giáo dục đại học trực thuộc Bộ giáo dục Thái Lan quản lí.

Trong mỗi tiểu ban tài khoản thanh toán, các cơ quan quản lí giáo dục cấp địa phương và các cơ sở giáo dục tiếp tục được huy động và tham gia vai trò quan trọng trong hệ thống.

- Ngành Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong lựa chọn đối tượng vay và phân bổ khoản vay.

Hai đầu mối quản lí của hai tiểu ban tài khoản thanh toán chịu trách nhiệm chính trong việc lựa chọn đối tượng và phân bổ khoản vay

Ở mỗi đầu mối, cơ quan quản lí giáo dục địa phương và cơ sở giáo dục tham gia các công việc cụ thể trong việc lựa chọn đối tượng và phân bổ khoản vay: Đề ra các tiêu chí nhận tín dụng, thu thập danh sách, báo cáo danh sách, tiếp nhận vốn vay và chuyển phần vay của sinh hoạt phí cho sinh viên, tiếp nhận phần vốn vay dành cho học phí và trực tiếp sử dụng.

- Ngành Giáo dục đóng vai trò phối hợp quản lí trong thu hồi nợ vay: Trách nhiệm thu hồi nợ vay thuộc về hệ thống ngân hàng và Bộ Tài chính là chủ yếu. Tuy nhiên, trong nội dung này, ngành Giáo dục tại Thái Lan cũng đóng vai trò phối hợp quản lí rất tích cực. Cụ thể, các cơ sở giáo dục và hai tiểu ban tài khoản thanh toán có trách nhiệm thống kê, tổng hợp danh sách thu hồi nợ, phối hợp với ngân hàng KTB sử dụng nguồn trả vay cho mục đích duy trì bộ máy quản lí và bù đắp chi phí cho các khoản vay mới.

Trái lại, ở Việt Nam cho đến nay ngoài một số ít chương trình nhỏ trong phạm vi một số trường, vai trò của các trường đại học và ngành Giáo dục còn rất nhỏ ở chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước, thể hiện qua văn bản pháp quy, thực tế triển khai, thực tế nghiên cứu. Đối với chương trình tín dụng cho sinh viên của Nhà nước, Ngân hàng Chính sách Xã hội giữ vai trò chủ đạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các trường đại học chỉ đóng vai trò phối hợp quản lí, thực hiện thường xuyên một số khâu như: Thông tin, truyền thông và xác nhận đối tượng vay và một số khâu như tổng hợp, báo cáo thực hiện không thường xuyên. So sánh với chương trình của Thái Lan đặt ra, vấn đề cần điều chỉnh lại vai trò của ngành Giáo dục trong việc

quản lý chương trình qua các giải pháp cụ thể. Từ kinh nghiệm của Thái Lan, Việt Nam nên xem xét nghiên cứu điều chỉnh cơ chế, trách nhiệm cho các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở đào tạo theo hướng tăng cường trách nhiệm và tăng cường phối hợp quản lý với các cơ quan khác.

3. Kết luận

Nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan trong việc quản lý Chương trình tín dụng cho sinh viên đã cho thấy một minh chứng cho việc trao quyền cho các cơ quan quản lý

giáo dục và cơ sở giáo dục trong hệ thống quản lý chương trình tín dụng cho sinh viên. Đây sẽ là cơ sở để đánh giá thực trạng chính xác và đề xuất giải pháp quản lý đúng đắn đối với quản lý các chương trình tín dụng cho sinh viên ở Việt Nam. Tiếp tục những nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế ở các quốc gia khác kết hợp khảo sát, nghiên cứu thực tiễn sẽ giúp chúng ta tìm ra được những giải pháp để đề xuất cơ chế và chính sách quản lý có hiệu quả các chương trình tín dụng cho sinh viên, mang lại ý nghĩa xã hội tích cực như mục tiêu đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thanh Tâm, (2019), *Quản lý thực hiện chương trình tín dụng cho sinh viên góp phần đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Khoa Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- [2] Nguyễn Thanh Tâm - Nguyễn Minh Đức - Nguyễn Thị Hiền - Đặng Thị Minh Hiền - Hoàng Lê Mai Phương, (9/2020), *Chia sẻ chi phí trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 33, tr.8-13.
- [3] Ziderman, Adrian, (2003), *Student Loans in Thailand are they Effective, Equitable, Sustainable?* Bangkok: UNESCO.
- [4] D. Bruce Johnstone, (2003), *Cost Sharing in Higher Education: Tuition, Financial Assistance, and Accessibility in a Comparative Perspective*, State University of New York at Buffalo.
- [5] Anuchai Theeraroungchaisri, (2017), *Ph.D. Thailand Cyber University Project Office of the Higher Education Commission Ministry of Education*, Thailand.
- [6] Kesorn Chinmethpipat, (2006), *Education Level and Family Expense Burden*, Policy Research and Higher Education Plan Institute. Bangkok: Dhurakij Pundit University Press.
- [7] Medhi Krongkaew, (2004), *The Promise of the New University Financing System in Thailand: the Income Contingent Loan (ICL) Scheme*, Bangkok: Khurusapha Press. (In Thai).
- [8] Sakulrat Talasophon, (2011), *The analysis and evaluation of Thai Student Loans Scheme implementation and the deferred debts*, A Dissertation Submitted in Partial Fulfillment of the Requirements for the Degree of Doctor of Philosophy (Development of Administration) School of Public Administration National Institute of Development Administration 2011.
- [9] Somchai Richupan and Chollatan Visaruthvont, (2001), *Guidelines for Administration and Management of the Education Loans Fund*. Bangkok: Office of the Education Reform. (In Thai).
- [10] Jaroonsri Madilogkovit - Cheanchanok Kovin - Ubonwon Hongvitayakorn, (2006), *Study of Employment and Underemployment of Thai Student Loans Funds: Case Study of Borrowers in 2002*, Bangkok: The Student Loans Office.
- [11] Md Abdus Salam, (2018), *Thai Student Loan Fund and Its Current Status*, Journal of Asia Pacific Studies, Volume 5, Issue 1.

THE MANAGEMENT OF STUDENT LOAN PROGRAM IN THAILAND - LESSONS ON ENHANCING THE ROLE OF EDUCATIONAL MANAGEMENT

Nguyen Thi Hien

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: hiennt@vnies.edu.vn

ABSTRACT: Student loan program is one form of cost-sharing in higher education which has been very popular in many countries around the world, including Vietnam. In many countries, these programs are often managed by the state, so the management role of the state in this financial policy is extremely important. Although the education sector has proven to be a major contributor in the administrative system, the role of the education sector has not been well defined in the state management system of student loan programs in Vietnam. Therefore, it is necessary to examine the research results and management experiences of other countries, in which the role of education management is assessed to make recommendations for Vietnam. This study will investigate the management of student loan program implemented in Thailand, a country with many similarities with Vietnam, nearly 10 years earlier than Vietnam; thereby comparing with the program management model in Vietnam and drawing lessons for Vietnam to promote the role of the education sector in the program management system.

KEYWORDS: State student loan, management of student loan program, educational administration agency, higher educational institution.